

Số: /QĐ-STN&MT

Hà Nam, ngày tháng 03 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng hạ tầng khu đấu giá đất ở tại xã Chính Lý, huyện Lý Nhân

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 46/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam;

Căn cứ Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam về việc Ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, phương án cải tạo phục hồi môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các dự án đầu tư ngoài Khu công nghiệp thuộc thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ biên bản họp hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu đấu giá đất ở tại xã Chính Lý, huyện Lý Nhân ngày 22 tháng 01 năm 2024;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Xây dựng hạ tầng khu đấu giá đất ở tại xã Chính Lý, huyện Lý Nhân đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm văn bản 46/QLDA ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung của Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lý Nhân;

Theo đề nghị của Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ Môi trường tại Văn bản số 34/CCMT-TĐ ngày 20 tháng 3 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Xây dựng hạ tầng khu đấu giá đất ở tại xã Chính Lý, huyện Lý Nhân (sau đây gọi là dự án) của Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Trung tâm TT, DL và PTQĐ (đăng Web);
- UBND huyện Lý Nhân (Chủ dự án);
- Ban QLDAĐT XD h.Lý Nhân (đại diện Chủ dự án);
- UBND xã Chính Lý;
- Lưu: VT, MT, HS.

GIÁM ĐỐC

Phạm Chí Thống

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN:

Xây dựng hạ tầng khu đầu giá đất ở tại xã Chính Lý, huyện Lý Nhân
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-STN&MT ngày tháng 03 năm 2024
của Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nam)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

- Tên dự án: Xây dựng hạ tầng khu đầu giá đất ở tại xã Chính Lý, huyện Lý Nhân.
- Địa điểm thực hiện dự án: xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
- Chủ dự án: Ủy ban nhân dân huyện Lý Nhân.
- Đại diện Chủ dự án: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lý Nhân
(Theo văn bản số 1639/UBND-VP ngày 06/12/2023 của UBND huyện Lý Nhân).
- Địa chỉ liên hệ: Thị trấn Vĩnh Trụ, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án

* Phạm vi của dự án:

- Vị trí thực hiện dự án: xã Chính Lý, huyện Lý Nhân, tỉnh Hà Nam.
- Tổng diện tích thực hiện dự án là 19.414,0 m² (không bao gồm diện tích đất Nhà văn hóa là 846,8m² và 02 tuyến đường hiện trạng phía Bắc, phía Tây khu vực dự án là 4.823,6m²), trong đó: đất trồng lúa là 18.699,0m², đất mặt nước là 684,9 m², nương xây là 30,1 m²

* Quy mô của dự án:

- Quy mô đầu tư xây dựng dự án: san nền (trừ san nền các lô đất ở), đường giao thông; bồn trồng cây trên hè đường; hệ thống thoát nước mưa và hoàn trả kênh mương; hệ thống thoát nước thải và trạm xử lý nước thải tạm thời; hệ thống cấp nước sạch và PCCC; hệ thống cấp điện và chiếu sáng; ống chờ hệ thống thông tin liên lạc.

- Cơ cấu sử dụng đất của dự án:

STT	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất ở mới	11.222,0	57,8
2	Đất cây xanh	897,2	4,6
3	Rãnh hạ tầng kỹ thuật (sau lô)	837,3	4,3
4	Đất giao thông	6.457,5	33,3
	Tổng cộng	19.414,0	100,0

- Quy mô dân số khoảng 332 người với 83 lô đất ở liền kề.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

- Các hạng mục công trình chính:
 - + San nền.
 - + Đường giao thông, hệ thống an toàn giao thông và hồ trồng cây xanh.
 - + Hệ thống thoát nước mưa và hoàn trả kênh mương.
 - + Hệ thống thoát nước thải và Trạm xử lý nước thải tạm thời công suất 45 m³/ngày.đêm.
 - + Hệ thống cấp nước sạch và PCCC.
 - + Hệ thống cấp điện và chiếu sáng;
 - + Ống chờ hệ thống thông tin liên lạc.

- Các hạng mục công trình phụ trợ: 01 lán trại công nhân; 01 kho chứa chất thải nguy hại; 01 khu vực tập kết vật liệu xây dựng; 01 cầu phun rửa xe và 01 bể xử lý nước thải rửa xe.

- Các hoạt động của dự án:

+ Giai đoạn thi công xây dựng: Hoạt động san nền, thi công xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi thực hiện dự án (*hệ thống đường giao thông, thoát nước mưa, nước thải và trạm xử lý nước thải tạm thời, hệ thống cấp điện, cấp nước và PCCC, ống chờ luôn cáp thông tin...*)

+ Giai đoạn hoạt động: Hoạt động thi công xây dựng, cải tạo, sửa chữa của nhà dân; hoạt động sinh hoạt của dân cư trong khu đấu giá.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án yêu cầu phải chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 18.699,0 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

* Hạng mục công trình: San nền, đường giao thông, bồn trồng cây hè đường; hệ thống thoát nước mưa và hoàn trả kênh mương; hệ thống thoát nước thải và Trạm xử lý nước thải tạm thời công suất 45 m³/ngày đêm; hệ thống cấp nước sạch và cứu hỏa; ống chờ hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống cấp điện và chiếu sáng.

* Các hoạt động chủ yếu phát sinh chất thải gồm:

- Hoạt động dọn dẹp mặt bằng, bóc tác đất hữu cơ, đào đất không thích hợp trước khi san nền.

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.

- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng.

- Hoạt động vận chuyển đồ thải, vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ quá trình thi công xây dựng.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân xây dựng.

* Các tác động liên quan đến chất thải:

- Bụi và khí thải (*SO₂, CO, NO₂, VOC...*) phát sinh từ quá trình san nền, hoạt động vận chuyển chất thải, nguyên vật liệu, hoạt động của máy móc thiết bị phục vụ thi công dự án.

- Nước thải gồm: Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước thải rửa xe; nước mưa chảy tràn.

- Chất thải rắn thông thường: Rác thải từ phát quang thảm thực vật; rác thải sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn xây dựng; đất hữu cơ bóc tách, bùn, đất đào không thích hợp từ dự án.

- Chất thải nguy hại.

* Các tác động không liên quan đến chất thải: Tiếng ồn, độ rung.

2.2. Giai đoạn hoạt động

- Các hoạt động chủ yếu phát sinh chất thải gồm: Hoạt động của các phương tiện giao thông; hoạt động xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà dân; hoạt động sinh hoạt của cư dân trong khu vực dự án; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tạm thời.

* *Chất thải bao gồm:*

- Bụi và khí thải (SO_2 , CO , NO_2 , VOC ...) phát sinh từ hoạt động giao thông đi lại của người dân, từ hoạt động xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở của người dân, từ hệ thống điều hòa, khí thải và mùi từ hoạt động nấu ăn hàng ngày của dân cư.

- Nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn.

- Chất thải rắn thông thường, nguy hại từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư.

* *Các tác động không liên quan đến chất thải:* Tiếng ồn, độ rung.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải*

- Nước thải sinh hoạt của công nhân khoảng $1,35 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (nước thải đen $0,85 \text{ m}^3/\text{ngày}$, nước thải xám là $0,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$). Các thông số ô nhiễm đặc trưng như: BOD_5 , COD, TSS, tổng chất rắn hoà tan, sunfua, amoni, NO_3^- , PO_4^{3-} , dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Nước thải rửa xe với lưu lượng khoảng $2,55 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Thành phần: Chất rắn lơ lửng, dầu mỡ khoáng...

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh khoảng $0,2 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu chứa bùn đất, cát.

* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi và khí thải*

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện vận tải, máy móc thi công do tiêu thụ nhiên liệu (dầu DO). Thành phần ô nhiễm chính: Bụi, SO_2 , CO , NO_x , VOC .

- Bụi, SO_2 , NO_x , CO từ quá trình thi công xây dựng: Hoạt động phát quang thực vật, san, gặt đất đá; hàn kết cấu kim loại; quá trình thi công mặt đường láng nhựa, quá trình sơn kẻ đường...

3.1.2. Giai đoạn hoạt động

* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất nước thải*

- Tổng khối lượng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của khu dân cư khoảng $39,84 \text{ m}^3/\text{ngày}$ đêm. Thành phần các chất ô nhiễm như: TSS, BOD_5 , COD, NH_4^+ , NO_3^- , PO_4^{3-} , dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

- Nước mưa chảy tràn: Lưu lượng phát sinh khoảng $0,35 \text{ m}^3/\text{s}$. Thành phần chủ yếu chứa bùn đất, cát.

* *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi và khí thải*

- Bụi, khí thải từ hoạt động của các phương tiện giao thông. Thành phần: Bụi; SO_2 ; NO_x ; CO .

- Khí thải, mùi phát sinh do quá trình chế biến thức ăn. Thành phần chủ yếu

là khí CO₂, hơi nước, mùi thức ăn,...

- Hoạt động của điều hoà không khí: phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính nhưng không đáng kể.

- Bụi từ hoạt động thi công xây dựng, cải tạo sửa chữa công trình của dân cư.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- *Chất thải rắn thông thường:*

+ Chất thải rắn từ hoạt động phát quang thảm thực vật khu vực thực hiện dự án khoảng 2,8 tấn.

+ Khối lượng đất hữu cơ, bùn, đất đào không thích hợp được bóc từ bề mặt diện tích đất trồng lúa, đường giao thông hiện trạng trong khu vực dự án khoảng 4.416m³ (trong đó khối lượng tận dụng san nền lô cây xanh khoảng 1.443m³, khối lượng vận chuyển đổ thải khoảng 2.853m³).

+ Khối lượng đào đường bê tông cũ và phá dỡ kết cấu gạch xây khoảng 148m³ (được tận dụng san lấp tuyến đường trong phạm vi dự án). Chất thải từ tháo dỡ đường điện hiện trạng khoảng 19 tấn.

+ Khối lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh trong quá trình thi công xây dựng, của dự án khoảng 47,44 tấn. Thành phần các chất thải rắn gồm vỏ bao xi măng, đầu mẩu gỗ cốp pha, đất đá, cát, sỏi rơi vãi, gạch vỡ,....

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng phát sinh khoảng 7,2 kg/ngày. Thành phần: Các chất hữu cơ (thực phẩm thừa, vỏ rau, củ, quả...), chất vô cơ (giấy vụn các loại, nilon, nhựa, kim loại,...).

- *Chất thải nguy hại:* Khối lượng phát sinh khoảng 378,1 kg/quá trình. Thành phần: vỏ thùng sơn; giẻ lau dính dầu mỡ, sơn, xơ bông thấm dầu; dầu mỡ thải; thùng chứa dầu thải; đầu mẩu que hàn thải; thùng chứa nhựa đường.

3.2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt khoảng 265 kg/ngày, bao gồm: thức ăn thừa, giấy các loại, nilon, vỏ chai lọ,... Khối lượng chất thải rắn phát sinh tại các khu vực công cộng (cây xanh, đường giao thông, rãnh kỹ thuật sau lô) khoảng 16kg/ngày.

- *Chất thải rắn phát sinh từ quá trình thi công xây dựng, cải tạo sửa chữa nhà ở của người dân:* Khối lượng rác thải phát sinh khoảng 25 kg/ngày/hộ dân, bao gồm sắt, thép thừa, gạch vỡ, bao bì thải các loại...

- *Chất thải nguy hại:* Khối lượng phát sinh từ khu dân cư khoảng 55,6 kg/năm. Thành phần: sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại; giẻ lau dính dầu; các loại dầu mỡ thải; thiết bị, linh kiện điện tử thải; đầu mẩu que hàn thải; chất tẩy rửa thải; pin, ắc quy thải.

3.3. Tiếng ồn, độ rung

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn, độ rung do các xe vận chuyển nguyên vật liệu, đất không thích hợp các máy móc và phương tiện thi công xây dựng trên công trường.

3.3.2. Giai đoạn vận hành dự án

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông, thiết bị điều hòa không khí, màn hình ti vi, máy bơm nước,...

3.4. Các tác động khác

- Các rủi ro sự cố trong giai đoạn thi công và hoạt động của dự án như: Sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông, sự cố cháy nổ, hệ thống xử lý nước thải bị hỏng không hoạt động...

- Tác động đến hệ thống tiêu, thoát nước khu vực.

- Tác động đến môi trường kinh tế - xã hội khu vực.

- Tác động đến hoạt động giao thông, kinh tế xã hội và y tế - giáo dục của địa phương.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

* Biện pháp thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động dạng nhà container 01 phòng, 01 bồn chứa chất thải với dung tích là $4m^3$ để lưu chứa nước thải sinh hoạt phát sinh. Định kỳ thuê đơn vị đủ chức năng hút và đem đi xử lý với tần suất 02 ngày/lần hoặc khi đầy.

- Nước thải rửa xe: Xây dựng 01 bể xử lý (*chia làm 04 ngăn*) có kích thước dài x rộng x cao = $2,89 \times 0,72 \times 2$ (m) để lắng đất, cát và xử lý váng dầu trước khi về bể chứa nước sau xử lý. Nước sau xử lý được lưu chứa tại bể khoảng $1,44m^3$, được tận dụng rửa xe không xả thải trực tiếp ra hệ thống kênh mương thủy lợi xung quanh khu vực thực hiện dự án.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Bố trí công nhân làm nhiệm vụ thu gom chất thải rắn trên mặt bằng dự án sau mỗi ngày làm việc để tránh ảnh hưởng khả năng tiêu thoát nước của khu vực dự án và vùng xung quanh.

+ Các tuyến thoát nước đảm bảo tiêu thoát nước, không gây úng ngập trong suốt quá trình xây dựng và không gây ảnh hưởng đến khả năng thoát thải của các khu vực bên ngoài dự án.

+ Hoàn trả tuyến mương tưới phía Nam dự án bằng hệ thống cống hộp BTCT có kích thước BxH = $(0,8 \times 0,8)$ m nằm trên hè tuyến đường N5.

* Biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải

- Bố trí 01 trạm rửa xe ở khu vực cổng vào của dự án (phía Tây dự án) để rửa xe trước khi ra khỏi công trường thi công.

- Bố trí công nhân quét dọn vật liệu, đất đá rơi vãi, phun nước giảm thiểu bụi với tần suất 4 lần/ngày tại các tuyến đường vận chuyển gần khu vực dự án (*đặc biệt là tuyến đường phía Tây và phía Bắc tiếp giáp với dự án*).

- Bố trí che chắn hoặc phủ kín khu vực nguyên liệu bằng bạt khu vực bãi tập kết vật liệu xây dựng có khả năng phát tán bụi.

- Bố trí tường chắn tôn cao 2-2,5 m tại các khu vực tiếp giáp với khu dân cư khi dự án đang thi công để giảm thiểu ảnh hưởng bụi, tiếng ồn đến người dân xung quanh dự án.

- Ô tô chuyên chở nguyên vật liệu vận chuyển đồ thải là các loại xe được đăng kiểm theo quy định, có bạt che phủ, không chở quá tải, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu chạy đúng tốc độ quy định.

- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ trong thi công.

- Không hoạt động vào các giờ cao điểm về mật độ giao thông.

4.1.2. Trong giai đoạn hoạt động

*** Biện pháp thu gom và xử lý nước thải**

- Hệ thống thoát nước thải xây dựng riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa;

- Biện pháp thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Biện pháp thu gom, xử lý nước thải theo quy hoạch: Hướng thoát nước: từ Tây sang Đông, từ Nam lên Bắc nước thải sinh hoạt từ các hộ dân thoát vào hệ thống thu gom nước thải đặt ở dải đất hạ tầng kỹ thuật sau lô và chờ đầu nối với hệ thống thoát nước thải chung của huyện Lý Nhân trên trục đường N1.

+ Biện pháp xử lý nước thải tạm thời: Khi hệ thống thoát nước thải chung và trạm xử lý nước thải tập trung chưa hoàn thiện, Chủ dự án đầu tư Trạm xử lý nước thải tạm thời bằng composite theo công nghệ AO công suất 45m³/ngày đêm. Trạm xử lý đặt ngầm tại lô cây xanh (CX01) của dự án. Quy trình xử lý nước thải như sau: Nước thải sinh hoạt (nước thải nhà vệ sinh) → hệ thống đường ống thu gom → hố ga → Trạm xử lý nước thải tạm thời (Chia làm 6 ngăn: Ngăn điều hòa, ngăn thiếu khí, ngăn hiếu khí, ngăn lắng, ngăn chứa bùn, ngăn khử trùng) → Hố ga sau hệ thống xử lý → Hệ thống đường ống thoát D315 dài 33,5m → Mương phía Bắc dự án. Nước thải sau xử lý đạt cột A theo QCVN 14:2008/BTNMT với k=1,0 trước khi thoát ra mương phía Bắc dự án bằng cống HDPE D315, tọa độ điểm xả thải X=2279023.91; Y=605276.84 (Theo biên bản làm việc giữa Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Lý Nhân với Ủy ban nhân dân xã Chính Lý và Hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Hùng Lý ngày 11/12/2023).

*** Biện pháp giảm thiểu tác động của nước mưa chảy tràn**

- Hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

- Hướng thoát nước: từ Đông sang Tây và từ Nam lên Bắc thoát nước ra mương BTCT hiện trạng nằm ở phía Tây (giáp đường TX14) và tuyến mương phía Bắc dự án.

- Sử dụng cống tròn BTCT M300 đường kính D300, D600; đặt trên các gờ cống BTCT M250 và lớp đá dăm đệm 2x4 dày 10cm. Độ dốc dọc cống đảm bảo độ dốc tối thiểu $i = 1/D$.

*** Biện pháp giảm thiểu tác động tới môi trường không khí:**

- Tuân thủ nghiêm chỉnh về chiều rộng mặt cắt đường, vỉa hè. Đảm bảo đường thông thoáng, tránh gây ùn tắc giao thông nhằm hạn chế phát sinh các chất gây ô nhiễm.

- Yêu cầu xe lưu hành đúng tải trọng và đi đúng các tuyến đường quy định.
- Nguyên vật liệu tập kết các khu vực xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhà dân phải được người dân che phủ để giảm thiểu khả năng phát tán bụi cũng như chất ô nhiễm khác ra môi trường.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng: Bố trí 02 thùng nhựa đựng rác sinh hoạt có nắp đậy, dung tích 100 lít/thùng tại khu vực lán trại của công nhân và hợp đồng với đơn vị thu gom, vận chuyển và đổ thải theo quy định với tần suất 02 ngày/lần.

- Chất thải rắn thông thường:

+ Một phần bùn, đất hữu cơ không thích hợp bóc tách từ dự án được tận dụng trồng cây xanh, phần còn lại được vận chuyển đổ thải tại khu vực thửa số 259 bản đồ số 12 thuộc thôn 8, xã Chính Lý, huyện Lý Nhân. Diện tích khu tập kết khoảng 1.439m² do UBND xã Chính Lý quản lý (*Theo Biên bản làm việc thỏa thuận vị trí đổ thải và đất màu tầng mặt khi thực hiện dự án giữa Ban quản lý dự án ĐTXD huyện Lý Nhân với UBND xã Chính Lý ngày 11/12/2023*).

+ Bê tông và kết cấu gạch xây phá dỡ từ khu vực dự án được tận dụng san lấp hoàn toàn trong phạm vi dự án.

+ Đối với chất thải xây dựng khác: Thực hiện tuân thủ theo các quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam. Hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chất thải nguy hại: Bố trí kho lưu giữ chất thải nguy hại dạng container 10 feet đặt gần khu lán trại của công nhân và bố trí 6 thùng chứa dung tích 50 lít/thùng để lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị dịch vụ có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4.2.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Chất thải sinh hoạt: Các gia đình chịu trách nhiệm tự phân loại tại hộ, sau đó được thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định của pháp luật.

- Chất thải nguy hại: Bố trí khu vực lưu chứa CTNH dạng container đặt tại khu đất cây xanh CX01 (*phía Bắc dự án*). Trong kho bố trí 7 thùng nhựa HDPE có nắp đậy, dung tích khoảng 40-100 lít/thùng. Thùng chứa được dán nhãn, khu vực lưu trữ được dán biển cảnh báo theo quy định. Định kỳ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Trong giai đoạn thi công, xây dựng

- Sử dụng các thiết bị có mức gây ồn thấp. Các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn như máy khoan, máy đào... không hoạt động trong khoảng thời gian từ 17h đến 7h và từ 11h30 -13h. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở thiết bị.

- Sử dụng các loại xe, máy móc thi công phù hợp nhằm đảm bảo về quy chuẩn kỹ thuật tiếng ồn, giảm tốc độ của xe cộ khi qua khu vực dân cư.

4.3.2. Trong giai đoạn hoạt động

- Tuyên truyền cho các hộ dân sống trong khu vực về việc giữ gìn trật tự theo nếp sống văn minh tại nơi sinh sống.

- Thường xuyên kiểm tra để phát hiện và xử lý kịp thời các sự cố như: tắc vỡ đường ống thoát nước mưa, thoát nước thải.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

* *Giám sát chất thải rắn và chất thải nguy hại, bao gồm:*

- Giám sát khối lượng, chủng loại, thành phần chất thải phát sinh và công tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất: Thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

* *Giám sát khác:*

- Vị trí giám sát: Khu vực Dự án, tuyến đường chính vận chuyển nguyên vật liệu, tuyến đường vận chuyển bùn, đất hữu cơ không thích hợp đi đổ thải.

- Nội dung cần giám sát: Công tác dọn dẹp mặt bằng thi công hàng ngày, công tác tưới nước giảm thiểu bụi; công tác vận chuyển nguyên vật liệu và đổ thải; công tác thu gom, xử lý nước thải rửa xe; hoạt động thu gom nước thải sinh hoạt; hoạt động tiêu thoát nước mưa.

- Tần suất thực hiện: Thường xuyên.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

5.2.1 Giám sát môi trường giai đoạn vận hành thử nghiệm

* *Giám sát hoạt động của trạm xử lý nước thải tạm thời:*

- Vị trí quan trắc: Khu vực trạm xử lý nước thải tạm thời (*Nước thải đầu vào và nước thải sau xử lý tại hố ga trước khi thoát vào mương phía Bắc dự án*).

- Chỉ tiêu giám sát: pH, BOD₅, TSS, NO₃⁻, NH₄⁺, PO₄³⁻, H₂S, dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng chất rắn hòa tan.

- Tần suất: 01 ngày/lần trong 03 ngày liên tiếp (*riêng đối với mẫu nước thải đầu vào chỉ lấy 01 lần*).

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, hệ số K = 1,0.

5.2.2. Giám sát môi trường giai đoạn vận hành chính thức

* *Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại*

- Giám sát khối lượng, chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

- Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/02/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

** Giám sát nước thải*

- Vấn đề cần giám sát: Hoạt động thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn hoạt động của khu đấu giá.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên.

** Giám sát các vấn đề môi trường khác*

- Tình trạng hoạt động của các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của dự án.

- Tình hình thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm, bảo vệ môi trường của dự án.

- Các rủi ro về cháy nổ, sét đánh,...

- Tần suất thực hiện: Thường xuyên.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng những nội dung đã được nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và những yêu cầu bắt buộc sau:

6.1. Lập kế hoạch và thực hiện phương án tổ chức thi công đảm bảo an toàn lao động, an toàn giao thông, an ninh xã hội theo quy định của pháp luật hiện hành. Có phương án vận chuyển thi công phù hợp với tuyến đường khu vực để không gây ô nhiễm môi trường, hệ thống hạ tầng kỹ thuật khu vực và hoạt động sản xuất nông nghiệp, sinh hoạt của người dân.

6.2. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong công tác quản lý, xử lý chất thải rắn của hoạt động xây dựng, vận chuyển bùn, đất hữu cơ không thích hợp đi đổ thải theo đúng quy định của pháp luật. Có phương án đảm bảo an toàn cho người dân và các đối tượng xung quanh khi không tiến hành san lấp các lô đất ở trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của khu đấu giá.

6.3. Thực hiện thủ tục đấu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung khi hệ thống đường ống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung theo quy hoạch được xây dựng và hoạt động. Thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.